

Số: 63 /QĐ-STP

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ tại Sở Tư pháp

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Sau khi thống nhất ý kiến với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thành viên 1;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu nội bộ tại Sở Tư pháp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 37/QĐ-STP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công tại cơ quan Sở Tư pháp.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ và công chức, người lao động cơ quan Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để b/c);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- BCH Công đoàn Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT-P.

GIÁM ĐỐC

Đào Chuẩn

QUY CHẾ
Chi tiêu nội bộ tại Sở Tư pháp

*(Kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-STP ngày 17 tháng 06 năm 2022
của Giám đốc Sở Tư pháp)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ tại Sở Tư pháp (sau đây gọi là Quy chế) điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đối tượng áp dụng

Công chức, người lao động của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức thuộc Sở.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy chế

1. Việc xây dựng Quy chế nhằm tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính đúng mục đích, có hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, đồng thời tăng thu nhập cho công chức và người lao động.

2. Tạo quyền chủ động cho công chức và người lao động trong đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Làm căn cứ quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát của Kho bạc nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng Quy chế

1. Việc xây dựng Quy chế dựa trên tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định, phù hợp với đặc điểm và tình hình hoạt động của cơ quan, bảo đảm tốt mọi hoạt động của cơ quan và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho công chức và người lao động.

2. Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, trong phạm vi kinh phí được giao tự chủ, Giám đốc Sở được tự quyết định bố trí số kinh phí

được giao vào các mục chi cho phù hợp, được quyền điều chỉnh giữa các mục chi nếu xét thấy cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm tiết kiệm và có hiệu quả; quyết định mức chi cho từng nội dung công việc phù hợp với đặc thù của cơ quan nhưng không được vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Tất cả các nội dung chi tiêu đều được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong cơ quan và có ý kiến tham gia của tổ chức Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 4. Căn cứ xây dựng Quy chế

1. Hệ thống tiêu chuẩn định mức chi và chế độ quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính hiện hành của Nhà nước.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan đến kinh phí hoạt động chuyên môn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp.

3. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và đặc điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao của các phòng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức giúp việc thuộc Sở Tư pháp.

4. Dự toán chi ngân sách Nhà nước giao hàng năm thực hiện chế độ tự chủ tài chính.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CÁC NỘI DUNG CHI NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP

Điều 5. Tiền lương

1. Tiền lương của công chức và người lao động được thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Phương thức chi trả: Tiền lương được chuyển trả 01 lần/tháng vào tài khoản cá nhân của công chức và người lao động;

b) Thời gian chi trả: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.

2. Trường hợp công chức, người lao động nghỉ ốm đau, thai sản: Do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả theo chế độ quy định.

3. Tiền lương của nhân viên hợp đồng ngắn hạn: Căn cứ mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước cho từng thời điểm.

Điều 6. Các khoản phụ cấp

1. Các khoản phụ cấp đóng Bảo hiểm xã hội: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề,... thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hiện hành.

2. Các khoản phụ cấp không đóng BHXH: Phụ cấp công vụ, phụ cấp trách nhiệm nghề, phụ cấp Cấp ủy, phụ cấp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, phụ cấp Ban chỉ huy Quân sự, phụ cấp độc hại... được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Lương làm thêm giờ:

Đối với các phòng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức giúp việc cho Giám đốc Sở, nếu thật sự cần thiết phải làm thêm giờ thì sẽ được bố trí nghỉ bù, nếu không thể giải quyết nghỉ bù thì được trả lương làm thêm giờ.

Điều kiện để được thanh toán lương làm thêm giờ: Có giấy đề nghị làm ngoài giờ của các cá nhân được lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở phụ trách xác nhận, được Giám đốc sở phê duyệt trước khi thực hiện hoặc có giấy yêu cầu làm ngoài giờ của Giám đốc sở.

Tiền lương làm thêm giờ được thực hiện theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Tổng số thời giờ làm thêm không vượt quá 200 giờ/năm; 40 giờ/tháng đối với mỗi công chức, người lao động.

Điều 7. Các khoản bồi dưỡng

1. Trường hợp công chức được bố trí trực tự vệ, trực lãnh đạo cơ quan trong các dịp Lễ, Tết, trực phòng chống bão, lụt... hoặc trực theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền thì được bồi dưỡng 50.000 đồng/người/ca trực;

2. Chi hội đồng kiểm kê, thanh lý tài sản: 100.000 đồng/người/ngày.

3. Chi hội Hội đồng khen thưởng, Hội đồng sáng kiến khoa học: 100.000 đồng/người/buổi.

Điều 8. Các khoản trích nộp theo lương

Các khoản trích nộp theo lương, bao gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí Công đoàn thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Trang phục Thanh tra viên

Căn cứ vào điều kiện cụ thể cấp tiền cho cá nhân tự may sắm theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TTCT ngày 16 tháng 03 năm 2015 quy định về quản lý, sử dụng trang phục, màu sắc, chất liệu, quy cách trang phục của cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước và Thông tư liên tịch số 73/2015/TTLT-BTC-TTCT ngày 12 tháng 05 năm 2015 quy định chế độ quản lý, cấp phát trang phục đối với thanh tra viên, cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan thanh tra nhà nước trên cơ sở chứng thư thẩm định giá trang cấp ngành hàng năm của Thanh tra tỉnh, CBCC thanh tra có trách nhiệm sử dụng kinh phí được cấp theo đúng quy định.

Điều 10. Kinh phí đào tạo công chức

Thực hiện theo Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho công chức trong những ngày đi thực tế: Lãnh đạo Sở xem xét hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao. Chứng từ đề nghị hỗ trợ đi thực tế bao gồm: Công văn tổ chức đi thực tế của cơ sở đào tạo, giấy đi đường hoặc hóa đơn chứng từ đi lại, thuê phòng nghỉ phù hợp.

Điều 11. Thi đua khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng và Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 12. Chế độ nghỉ phép hàng năm

Thực hiện theo Thông tư số 141/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về chế độ thanh toán tiền nghỉ phép hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng làm việc trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 141/2011/TT-BTC. Cụ thể như sau:

1. Thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền phụ cấp đi đường khi nghỉ phép hàng năm

a) Đối tượng: Công chức và người lao động được Lãnh đạo Sở cấp giấy cho đi nghỉ phép năm để thăm vợ, chồng; con; cha mẹ (cả bên chồng hoặc bên vợ) bị ốm đau hoặc chết;

b) Nội dung và mức chi:

- Phụ cấp đi đường cho những ngày đi đường thực tế, mức chi tương đương mức phụ cấp lưu trú khi đi công tác theo quy định hiện hành.

- Tiền phương tiện đi lại khi đi nghỉ phép: Tiền phương tiện đi lại phải trả cho đơn vị, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách cung cấp (trừ phương tiện máy bay) theo quy định của pháp luật, gồm: tiền phương tiện chiều đi và về từ nhà đến ga tàu, bến xe; tiền vé tàu, xe vận chuyển đến nơi nghỉ phép và theo chiều ngược lại.

- Mức thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé với mức giá vận tải phổ biến của loại phương tiện công cộng tại địa phương, không bao gồm các chi phí tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu. Trường hợp công chức, người lao động đi nghỉ phép sử dụng phương tiện là máy bay khi có vẻ hợp pháp sẽ được thanh toán tối đa theo giá cước vận tải khách công cộng bằng phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy phù hợp với tuyến đường đi nghỉ phép.

- Trường hợp người đi nghỉ phép năm kết hợp với đi công tác và nghỉ phép thăm người thân thì chỉ thanh toán tiền phụ cấp đi đường, không thanh toán tiền tàu xe đi nghỉ phép.

c) Chứng từ, thủ tục thanh toán:

- Vé tàu, xe hoặc hoá đơn mua vé;

- Giấy nghỉ phép năm được Lãnh đạo Sở cấp và xác nhận địa điểm nghỉ phép;

- Được chính quyền địa phương nơi thân nhân cư trú hoặc cơ sở y tế xác nhận có người thân bị ốm đau đi điều trị ở cơ sở y tế, điều trị dài ngày tại nhà, hoặc bị chết.

d) Tiền phương tiện đi nghỉ phép hàng năm chỉ được thanh toán mỗi năm một lần. Nghỉ phép của năm nào chỉ được thanh toán trong năm đó, trường hợp vì công việc được lãnh đạo trực tiếp quản lý cho lùi thời gian nghỉ phép sang năm sau thì cũng được thanh toán tiền nghỉ phép năm, nhưng chỉ được thanh toán đến hết ngày 31/01 năm sau.

2. Các trường hợp được thanh toán tiền bồi dưỡng do yêu cầu công việc, cơ quan không bố trí được thời gian cho công chức, người lao động nghỉ phép:

a) Đối tượng: Trường hợp do nhu cầu công việc không thể bố trí cho công chức, người lao động nghỉ phép hoặc bố trí không đủ số ngày nghỉ phép trong năm theo quy định, thì cơ quan sẽ chi trả tiền bồi dưỡng cho cán bộ, công chức những ngày chưa nghỉ phép hàng năm.

Công chức, người lao động nếu đã được cơ quan, đơn vị bố trí sắp xếp thời gian nghỉ phép theo quy định nhưng không có nhu cầu nghỉ phép thì không được chi trả tiền bồi dưỡng đối với những ngày chưa nghỉ phép hàng năm.

b) Điều kiện, chứng từ thanh toán: Có đơn xin nghỉ phép nhưng được Lãnh đạo Sở xác nhận do yêu cầu công việc nên không bố trí được thời gian cho công chức, người lao động nghỉ phép năm hoặc không bố trí đủ số ngày nghỉ phép năm.

c) Mức thanh toán: Chi trả theo mức tiền lương làm thêm giờ vào ngày thứ bảy, chủ nhật theo quy định hiện hành.

d) Thời gian chi trả: Được thực hiện một lần trong năm và được quyết toán vào niên độ ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 13. Thanh toán dịch vụ công cộng

1. Chi phí sử dụng điện, nước tại cơ quan: Thanh toán tiền điện, nước căn cứ trên hóa đơn thực tế đã sử dụng.

2. Chi phí nhiên liệu: Căn cứ vào Công lệnh do Lãnh đạo Sở, Văn phòng Sở xác nhận cho người đi công tác, lái xe thanh toán tiền xăng theo số km thực tế trên xe. Định mức xe ô tô (05 chỗ ngồi) mang biển số 75A - 00189 là 13 lít xăng/100 km.

Điều 14. Văn phòng phẩm

1. Chi văn phòng phẩm đối với cá nhân thực hiện theo hình thức khoán như sau: Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Phòng Bỏ trợ tư pháp, Thanh tra Sở và Văn phòng Sở: 30.000 đồng/tháng/người. Riêng Phòng Hành chính tư pháp, Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật do đặc thù của công việc nên thanh toán theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm.

2. Đề phục vụ công việc chung, Văn phòng Sở mua các vật tư văn phòng cần thiết theo nhu cầu như: Mực máy phô tô, mực máy vi tính, cặp ba

dây đựng hồ sơ, giấy phô tô, in bì thư công văn,... trên cơ sở có giấy đề xuất được Lãnh đạo Sở phê duyệt với tinh thần tiết kiệm.

Riêng văn phòng phẩm mua bằng nguồn kinh phí không tự chủ phải có ý kiến của Lãnh đạo Sở và thanh toán theo hoá đơn thực tế.

Điều 15. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc

1. Điện thoại cố định: Thực hiện khoán tiền điện thoại cố định hàng tháng đảm bảo sử dụng điện thoại trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế sử dụng gọi đường dài, gọi vào mạng máy di động, gọi dịch vụ khi không cần thiết với các định mức như sau:

a) Phòng Giám đốc:	300.000 đồng/tháng
b) Phòng các Phó giám đốc:	300.000 đồng/tháng
c) Các phòng chuyên môn nghiệp vụ:	300.000 đồng/tháng
d) Bộ phận văn thư:	300.000 đồng/tháng
đ) Phòng Bảo vệ:	150.000 đồng/tháng
e) Phòng Kế toán:	300.000 đồng/tháng

Các phòng nói trên chịu trách nhiệm tự thanh toán nếu cước phí điện thoại vượt quá định mức khoán trên.

g) Riêng máy 0234.3849036 của Văn phòng sử dụng có máy Fax; Máy 0234.3822939 của Phòng Hành chính tư pháp do đặc thù công việc thường xuyên liên lạc với các ngành, địa phương: Không thực hiện khoán mà thanh toán theo hoá đơn thực tế, hợp lệ.

h) Máy 0234.3823732, Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật sử dụng do đặc thù của công việc thanh toán theo hoá đơn thực tế, hợp lệ bằng nguồn kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật.

2. Báo chí, dịch vụ Internet, Wifi: Thanh toán theo hóa đơn thực tế bằng nguồn kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật và nguồn kinh phí quản lý hành chính;

3. Cước phí bưu chính: Thanh toán theo hóa đơn thực tế bằng nguồn kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật và nguồn kinh phí quản lý hành chính;

4. Hỗ trợ thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động của Lãnh đạo Sở thực hiện theo Quyết định số 243/2002/QĐ-UB ngày 26/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế với mức khoán:

a) Điện thoại cố định tại nhà riêng của Giám đốc, các Phó giám đốc Sở: 100.000 đồng/tháng;

b) Điện thoại di động của Giám đốc Sở: 250.000 đồng/tháng.

Điều 16. Chế độ chi hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ,... thực hiện theo các văn bản sau:

1. Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

3. Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

4. Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

5. Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

7. Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 17. Chế độ công tác phí

1. Đi công tác trong nước:

a) Đi công tác ngoại tỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tự túc phương tiện đi công tác: Đối với Lãnh đạo Sở, các Trưởng, Phó phòng được thanh toán vé tàu giường nằm mềm điều hòa; công chức được

thanh toán vé tàu ngồi mềm cho các loại tàu, trường hợp không có vé ngồi mềm thì được thanh toán vé giường nằm cứng.

Trường hợp Công chức, người lao động do yêu cầu công việc cần thiết phải sử dụng phương tiện máy bay để đi công tác thì chế độ thanh toán như sau:

* Trường hợp tại thời điểm thanh toán, giá vé máy bay cao hơn mức giá cước vé tàu giường nằm, vé tàu ngồi mềm hoặc vé tàu giường cứng:

- Nếu được Giám đốc Sở đồng ý phê duyệt bằng văn bản thì được thanh toán 100% theo hóa đơn thực tế.

- Nếu không có sự đồng ý của Giám đốc Sở thì được thanh toán theo mức giá cước vé tàu giường nằm mềm điều hòa tại thời điểm thanh toán đối với trường hợp Lãnh đạo Sở, các Trưởng, Phó phòng; được thanh toán theo mức giá cước vé tàu ngồi mềm hoặc vé tàu giường cứng đối với trường hợp các đối tượng công chức còn lại. Khi thanh toán phải gửi kèm vé máy bay, hóa đơn, thẻ lên máy bay để làm cơ sở thanh toán.

* Trường hợp tại thời điểm thanh toán, giá vé máy bay thấp hơn hoặc bằng với mức giá cước vé tàu nằm mềm điều hòa đối với trường hợp Lãnh đạo Sở, các Trưởng, Phó phòng; giá vé máy bay thấp hơn so với cước vé tàu ngồi mềm hoặc vé tàu nằm cứng đối với trường hợp các đối tượng công chức còn lại thì được thanh toán 100% theo hóa đơn thực tế vé máy bay. Khi thanh toán phải gửi kèm vé máy bay, hóa đơn, thẻ lên máy bay để làm cơ sở thanh toán.

Quãng đường từ nhà đến bến xe, nhà ga, sân bay về nơi công tác và ngược lại được thanh toán theo quy định (có vé, hóa đơn hoặc giấy biên nhận).

Thanh toán theo cước phí xe ôm, xe buýt: có giấy biên nhận của tài xế xe ôm hoặc vé xe buýt; thanh toán cước phí xe taxi: theo định mức số km được quy định tại bản đồ chỉ đường truy cập trên hệ thống Internet nhân với giá cước taxi thông thường và có vé cước taxi hoặc hóa đơn (nếu cước taxi trên 200.000 đồng).

b) Đi công tác trong tỉnh:

Do đặc thù công việc của cơ quan, có tháng cán bộ đi công tác lưu động nhiều, có tháng đi ít nên áp dụng mức khoán phụ cấp công tác phí cho toàn bộ cán bộ trong cơ quan theo định mức 300.000 đồng/tháng để hỗ trợ tiền xăng xe, tiền ăn cho cán bộ. Ngoài ra, khi đi công tác tại hai huyện Nam Đông, A Lưới, nếu phải thuê phòng nghỉ thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo phương thức khoán 200.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp công chức đi học các chương trình nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị ở ngoại tỉnh từ 01 tháng trở lên thì không được thanh toán khoản công tác phí của các tháng đi học đó.

c) Đi công tác theo Đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan:

- Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu trung tập cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị khác đi phối hợp công tác liên ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đó; trung tập tham gia các đề tài nghiên cứu cơ bản thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.

- Trường hợp đi công tác theo đoàn phối hợp liên ngành, liên cơ quan do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên triệu tập, trung dụng hoặc phối hợp để cùng thực hiện các phần việc thuộc nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại cho người đi công tác trong đoàn. Trường hợp các cá nhân thuộc thành phần đoàn công tác không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền chi phí đi lại cho người đi công tác. Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác.

- Văn bản trung tập (giấy mời, công văn mời) cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị khác đi công tác phải ghi rõ trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí cho chuyến đi công tác của mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Đi công tác nước ngoài: Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Điều 18. Chi tiếp khách trong nước

Thực hiện theo Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 23/08/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành quy định chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc và chế độ chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trên tinh thần phải thực hành tiết kiệm trong việc tiếp khách; việc tổ chức tiếp khách phải đơn giản, không phô trương hình thức, thành phần tham dự là những người trực tiếp liên quan.

Điều 19. Mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định phục vụ công tác

Việc mua sắm, sửa chữa tài sản cố định theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về mua sắm tài sản, phương tiện làm việc trong các cơ quan nhà nước. Trường hợp máy móc thiết bị hư hỏng đột xuất thì phải có giấy đề xuất sửa chữa, mua sắm chuyên Văn phòng Sở kiểm tra và được Lãnh đạo phê duyệt trước khi thực hiện.

Điều 20. Chế độ chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn

1. Chi công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL:

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi đối với công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

3. Chi công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính:

Thực hiện theo Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền, cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền, cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm

hành chính có nội dung phức tạp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Chi công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

Thực hiện theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Chi công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp:

Thực hiện theo Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 07 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Chế độ chi nhuận bút trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp:

Thực hiện theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 01/QĐ-STP ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quy chế chi trả nhuận bút, thù lao, tạo lập thông tin điện tử của bản tin Tư

pháp và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp – Cơ quan thường trực Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh.

8. Chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

Thực hiện theo Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế Thừa Thiên Huế.

9. Đối với các khoản chi liên quan khác: Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 21. Chi cho công tác Đảng

Thực hiện theo Quyết định số 99/QĐ-TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy định chế độ cho hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và Hướng dẫn số 21-HD/VPTW ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Văn phòng BCH Trung ương về một số điểm quy định cụ thể ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Điều 22. Các khoản chi khác

1. Chi hỗ trợ Lễ, Tết:

a) Chi các ngày Lễ trong năm như Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 Âm lịch), Giải phóng Huế (26/3), Giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước (30/4), Ngày Quốc tế lao động (01/5), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), Tết Đoan Ngọ (05/5 Âm lịch), Ngày thành lập ngành Tư pháp (28/8), Ngày Quốc khánh (02/9); Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12), ...: mức chi từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng/người;

b) Chi Tết: Dương lịch từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng; Nguyên Đán từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

2. Chi thăm ốm đau:

a) Tử thân phụ mẫu; vợ (hoặc chồng) và con của công chức và người lao động công tác tại Khôi Văn phòng Sở ốm đau chi 300.000 đồng/người/lần nếu phải nằm viện;

b) Trường hợp công chức và người lao động công tác tại Khối Văn phòng Sở ốm đau phải nằm viện chi 500.000 đồng/người/lần. Nếu bị bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh nặng phải phẫu thuật được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/lần;

c) Trường hợp công chức, viên chức, người lao động các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và các cơ quan, ban, ngành có quan hệ công tác ốm đau phải nằm viện mức chi 200.000 đồng/người/lần.

3. Chi tang lễ, phúng điếu:

a) Tử thân phụ mẫu, vợ (hoặc chồng) và con của công chức và người lao động công tác tại Khối Văn phòng Sở qua đời chi 500.000 đồng và 01 vòng hoa;

b) Tử thân phụ mẫu, vợ (hoặc chồng) và con của công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, cán bộ cơ quan Sở Tư pháp đã nghỉ hưu, Lãnh đạo tỉnh và các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh Thừa Thiên Huế và Lãnh đạo các huyện, thị xã, thành phố có quan hệ công tác: 200.000 đồng đến 300.000 đồng và 01 vòng hoa;

c) Trường hợp công chức và người lao động công tác tại Khối Văn phòng Sở qua đời mức chi 3.000.000 đồng và 01 vòng hoa;

d) Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở qua đời 500.000 đồng và 01 vòng hoa.

4. Trường hợp gia đình của công chức, người lao động Khối Văn phòng Sở gặp khó khăn, hoạn nạn hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/trường hợp.

5. Chi quà tặng cho công chức và người lao động Khối Văn phòng Sở nghỉ hưu hoặc thôi việc: 2.000.000 đồng/người; chi quà tặng cho công chức và người lao động Khối Văn phòng Sở chuyển công tác đến cơ quan khác: không quá 1.000.000 đồng/người.

6. Chi thăm gia đình công chức, người lao động có tử thân phụ mẫu là liệt sỹ, bản thân công chức là thương binh thuộc Khối Văn phòng Sở mỗi suất quà không quá 500.000 đồng/suất/đợt (ngày 27/7 và Tết Nguyên Đán).

7. Chi quà tặng gặp mặt các đồng chí Lãnh đạo Sở, công chức, người lao động Khối Văn phòng Sở đã nghỉ hưu nhân dịp tết Nguyên đán: không quá 500.000 đồng/suất/người .

8. Chi hỗ trợ các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, Tết Trung thu, ngày Hội Quốc phòng toàn dân 22/12, ngày thành lập Ngành,... Mức chi do Lãnh đạo phê duyệt, trên tinh thần tiết kiệm.

9. Tổ chức cho công chức, người lao động đi tham quan, nghỉ mát, dưỡng sức mỗi năm 1 lần, với định mức:

a) Đối với trường hợp đi trong nước: hỗ trợ 600.000 đồng/ngày/người; số ngày được hỗ trợ căn cứ trên kế hoạch tổ chức nghỉ mát, dưỡng sức của cơ quan nhưng tối đa không quá 05 ngày.

b) Đối với trường hợp đi tham quan du lịch nước ngoài được Lãnh đạo Sở phê duyệt số tiền được hỗ trợ nhưng tối đa không quá 50% kinh phí cho một chuyến đi.

10. Chi khám sức khỏe định kỳ hàng năm:

Căn cứ tình hình tài chính của cơ quan và nhu cầu của công chức, người lao động, Sở Tư pháp ký hợp đồng với đơn vị có chức năng cung ứng dịch vụ theo quy định hiện hành để tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công chức, người lao động theo gói khám sức khỏe tổng quát.

11. Các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở quyết định mức chi thăm hỏi, phúng điếu và chi ủng hộ khác

Điều 23. Chi đi học tập trao đổi kinh nghiệm công tác

Thực hiện theo kế hoạch và dự toán đã được xây dựng của các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Mục 2

CHI TỪ NGUỒN THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH, CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 24. Chi từ nguồn thu lệ phí hộ tịch, phí cấp phiếu lý lịch tư pháp

1. Số tiền các loại lệ phí thu được hàng tháng nộp 100% vào Ngân sách nhà nước.

2. Số phí cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp thu được hàng tháng nộp 15% vào Ngân sách nhà nước, trích chuyển 4% cho Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia; số phí để lại được xác định là 100% thì trích 60% chuyển cho các đơn vị thực hiện công tác xác minh lý lịch tư pháp theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016. Số còn lại trích 40% bổ sung nguồn cải cách tiền lương, 60% còn lại được sử dụng để chi cho công tác liên quan trực tiếp đến việc thực hiện thu phí, như:

a) Chi mua, in ấn biểu mẫu, sổ sách, biên lai lệ phí.

b) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền liên lạc, điện, nước, công tác phí,..

c) Chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

d) Bồi dưỡng cho cá nhân thực hiện công việc và cá nhân có liên quan đến công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp (gồm Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở phụ trách công tác lý lịch tư pháp, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, công chức phòng Hành chính tư pháp được phân công thực hiện nhiệm vụ lý lịch tư pháp, Chánh văn phòng, kế toán Sở, công chức tiếp nhận và trả hồ sơ lý lịch tư pháp tại Trung tâm hành chính công tình và trực tuyến, văn thư, công chức làm công tác tổng hợp, báo cáo, thống kê số liệu lý lịch tư pháp): 500.000 đồng/người/tháng.

đ) Chi khen thưởng cho các phòng ban có liên quan đến công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp, tiếp khách, phúc lợi tập thể, chi khác,...

3. Số thu phí khác thực hiện trích nộp, quản lý, sử dụng theo các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 3 **CHI TỪ NGUỒN THU KHÁC**

Điều 25. Chi từ nguồn thu khác

Các khoản thu khác: Sau khi trừ chi phí số còn lại chi phúc lợi tập thể.

Chương III **SỬ DỤNG KINH PHÍ TIẾT KIỆM**

Điều 26. Thanh toán thu nhập tăng thêm

1. Căn cứ vào tổng quỹ lương tối đa trong năm và tình hình tài chính của cơ quan Sở, điều chỉnh tiền lương tăng thêm tối đa là 1,0 lần theo quy định tại Điều 8 Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Mức chi trả tiền lương tăng thêm cho công chức hàng tháng là 0,1 lần so với mức tiền lương ngạch bậc, phụ cấp chức vụ và các phụ cấp có đóng BHXH khác do nhà nước quy định; mức chi trả tiền lương tăng thêm cho người lao động hàng tháng là 0,08 lần so với mức tiền lương đã ký trong hợp đồng lao động.

2. Kết thúc năm ngân sách, sau khi xác định chính xác số kinh phí tiết kiệm được sẽ bổ sung thu nhập cho công chức và được phân chia thành 3 mức, cụ thể:

- a) Mức 1 (Lãnh đạo Sở): 120%
- b) Mức 2 (Công chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên): 100%
- c) Mức 3 (Công chức đạt hoàn thành nhiệm vụ): 60%

Đối với người lao động, thu nhập tăng thêm cuối năm sẽ bằng 0,08 lần nhân với Mức 2 hoặc Mức 3 như trên, tương ứng với mức hoàn thành nhiệm vụ mà người lao động đạt được.

Trường hợp công chức nghỉ hưu và công chức nghỉ thai sản trong năm tài chính:

- Trường hợp công chức nghỉ hưu: chi thu nhập tăng thêm cuối năm bằng số tháng làm việc thực tế tại cơ quan trong năm nhân với số thu nhập tăng thêm của Mức 1 (đối với Lãnh đạo Sở) hoặc Mức 2 (đối với công chức) chia cho 12 tháng.

- Trường hợp công chức nghỉ chế độ thai sản:

+ Nếu nghỉ chế độ thai sản trong năm lớn hơn 03 tháng làm việc: chi thu nhập tăng thêm cuối năm bằng 85% của Mức 2 năm này, năm tiếp theo sẽ được chi 100% của Mức 2 của năm đó.

+ Nếu nghỉ chế độ thai sản trong năm dưới 03 tháng làm việc: chi thu nhập tăng thêm cuối năm bằng 100% của Mức 2 năm này, năm tiếp theo sẽ được chi 85% của Mức 2 năm đó.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với các nội dung chi tiêu chưa được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ này thì do Giám đốc Sở quyết định.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy chế này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, kể từ ngày văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành.

2. Toàn bộ công chức và người lao động thuộc Khối Văn phòng Sở thực hiện theo quy chế này

Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về cơ chế, chính sách tài chính thì tùy vào điều kiện thực tế sẽ được xem xét để điều chỉnh cho phù hợp./.

**ĐẠI DIỆN BCH CÔNG ĐOÀN
CƠ SỞ THÀNH VIÊN 1
CHỦ TỊCH**

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thủy Phương

Đào Chuẩn